

KẾ HOẠCH
Thực hiện công khai năm học 2021-2022

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Trường THCS Long Trường xây dựng Kế hoạch thực hiện công khai năm học 2021- 2022 như sau:

I./ MỤC TIÊU THỰC HIỆN CÔNG KHAI:

1. Thực hiện công khai để người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

II./ NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN CÔNG KHAI:

1. Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định.

2. Thông tin được công khai phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

III./ NỘI DUNG THỰC HIỆN CÔNG KHAI:

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục:

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường; chương trình giáo dục mà nhà trường thực hiện; yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường; kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo Biểu mẫu 09).

b) Chất lượng giáo dục thực tế:

Số học sinh học 2 buổi/ ngày; số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng kết kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, được công nhận tốt nghiệp, học sinh nam/ học sinh nữ, học sinh dân tộc thiểu số (Theo Biểu mẫu 10).

c) Xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia:

Kế hoạch xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục:

Công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a) Cơ sở vật chất:

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định (Theo Biểu mẫu 11).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Theo Biểu mẫu 12).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

a) Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC; Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

b) Các khoản chi theo từng năm học:

Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị;

c) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và

miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội;

d) Kết quả kiểm toán (nếu có)

Thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại Quyết định số 1562/QĐ-KTNN ngày 08 tháng 9 năm 2016 của Kiểm toán nhà nước ban hành Quy định về công khai kết quả kiểm toán, kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước;

e) Mức thu học phí và các khoản thu khác cho từng năm học và cả khóa học.

f) Các nguồn thu ngoài học phí:

Các nguồn thu từ các hợp đồng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất, tư vấn và các nguồn thu hợp pháp khác.

g) Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

IV./ HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI:

1. Hình thức:

- Công khai trên website của nhà trường:

<http://trunghoccosolongtrung.hcm.edu.vn>

- Niêm yết công khai tại nhà trường.

- Công khai trong các kỳ họp CMHS.

2. Thời điểm công khai:

Công khai vào tháng 6 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) hoặc khi có thông tin mới hoặc thay đổi nội dung liên quan.

Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

V./ TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng:

- Tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2020-2021 và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học 2021-2022 cho Phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường.

- Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức:



+ Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+ Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

+ Đưa lên website của nhà trường.

2. Trách nhiệm của các thành viên thực hiện công khai trong nhà trường:

2.1. Hiệu trưởng:

- Tổ chức thực hiện việc kê khai tài sản.

Hình thức: niêm yết tại trường, họp Chi bộ, họp Liên tịch, họp HĐSP.

Thời điểm công khai: tháng 12.

Đối tượng công khai: đảng viên chi bộ; VC-NLĐ.

- Công khai kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian

Hình thức: website, niêm yết tại trường, họp Liên tịch, họp HĐSP.

Thời điểm công khai: đầu năm học.

Đối tượng công khai: VC-NLĐ; học sinh; cha mẹ học sinh.

2.2. Phó Hiệu trưởng chuyên môn:

- Chỉ đạo nhân viên văn thư – học vụ hoàn thành các nội dung công khai theo biểu mẫu số 9, 10, 12.

Hình thức: website, niêm yết tại trường, họp Liên tịch, họp HĐSP.

Thời điểm công khai: tháng 6.

Đối tượng công khai: VC-NLĐ; học sinh; cha mẹ học sinh.

- Công khai kết quả xếp loại học sinh HK1, HK2 và kết quả kiểm tra lại.

Hình thức: website, niêm yết tại trường, họp CMHS.

Thời điểm công khai: sau mỗi đợt xét duyệt kết quả của HS.

Đối tượng công khai: VC-NLĐ; học sinh; cha mẹ học sinh.

2.3. Phó Hiệu trưởng Hành chính – Quản trị:

- Chỉ đạo nhân viên phụ trách CSVC và thiết bị hoàn thành các nội dung công khai theo biểu mẫu số 11.

Hình thức: website, niêm yết tại trường, họp Liên tịch, họp HĐSP.

Thời điểm công khai: tháng 6.

Đối tượng công khai: VC-NLĐ; học sinh; cha mẹ học sinh.

- Công khai sửa chữa CSVC, mua sắm trang thiết bị.

Hình thức: niêm yết tại trường, họp Liên tịch, họp HĐSP.

Thời điểm công khai: sau mỗi đợt sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị.

Đối tượng công khai: VC-NLĐ.

- Công khai kết quả Kiểm định cơ sở giáo dục

Hình thức: website, niêm yết tại trường, họp Liên tịch, họp HĐSP.

Thời điểm công khai: sau khi có kết quả công nhận.

Đối tượng công khai: VC-NLĐ; học sinh; cha mẹ học sinh.

2.4. Kế toán:

a. Nội dung công khai:

- Công khai các quỹ có từ ngân sách nhà nước và các quỹ khác trong nhà trường.

- Thực hiện niêm yết các mẫu công khai dự toán, quyết toán thu tài chính.

- Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học (căn cứ thu, mục đích thu, đối tượng thu, mức thu, nội dung chi).

- Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/ 1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

- Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

- Công khai kết quả kiểm toán (nếu có)

b. Hình thức: niêm yết tại trường, họp CMHS (đối với học phí và các khoản thu khác từ người học, chính sách miễn, giảm học phí đối với học sinh).

c. Thời điểm công khai: hàng tháng, hàng quý.

d. Đối tượng công khai: VC-NLĐ; học sinh; cha mẹ học sinh.

3. Trách nhiệm của Ban Thanh tra nhân dân:

- Giám sát các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định.
- Lập biên bản giám sát và lưu trong hồ sơ của Ban Thanh tra nhân dân.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2021-2022 của trường THCS Long Trường.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT;
- CBQL;
- Ban TTND;
- Dân TB;
- Lưu: VT.



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS LONG TRƯỜNG

Số: 138./BC-THCSLT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Thủ Đức, ngày 31 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO

Về tổng hợp kết quả thực hiện quy chế công khai và kết quả kiểm tra công tác thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của các cơ sở giáo dục năm học 2021-2022

I. Đơn vị xây dựng Kế hoạch số 104./KH-THCSLT ngày 06 tháng 9 năm 2021 về thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT.

II. NHỮNG NỘI DUNG CÔNG KHAI TRONG KẾ HOẠCH CỦA ĐƠN VỊ

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục:

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường; chương trình giáo dục mà nhà trường thực hiện; yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường; kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo Biểu mẫu 09).

b) Chất lượng giáo dục thực tế:

Số học sinh học 2 buổi/ngày; số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng kết kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, được công nhận tốt nghiệp, học sinh nam/ học sinh nữ, học sinh dân tộc thiểu số (Theo Biểu mẫu 10).

c) Xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia:

Kế hoạch xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục:

Công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a) Cơ sở vật chất:



Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định (Theo Biểu mẫu 11).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Theo Biểu mẫu 12).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

a) Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC; Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

b) Các khoản chi theo từng năm học:

Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị;

c) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội;

d) Kết quả kiểm toán (nếu có):

Thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại Quyết định số 1562/QĐ-KTNN ngày 08 tháng 9 năm 2016 của Kiểm toán nhà nước ban hành Quy định về công khai kết quả kiểm toán, kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước;

e) Mức thu học phí và các khoản thu khác cho từng năm học và cả khóa học.

f) Các nguồn thu ngoài học phí:

Các nguồn thu từ các hợp đồng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất, tư vấn và các nguồn thu hợp pháp khác.

g) Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Hình thức:

- Công khai trên website của nhà trường:
<http://trunghoccosolongtruong.hcm.edu.vn>
- Niêm yết công khai tại nhà trường.
- Công khai trong các kỳ họp CMHS.

2. Thời điểm công khai:

Công khai vào tháng 6 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) hoặc khi có thông tin mới hoặc thay đổi nội dung liên quan.

Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

3. Đã công khai các nội dung:

Nhà trường đã triển khai Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, nhà trường thực hiện nghiêm túc việc công khai theo quy định.

3.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

- Cam kết chất lượng giáo dục năm học 2021-2022 theo biểu mẫu 09.
- Chất lượng giáo dục thực tế năm học 2021-2022 theo biểu mẫu 10.
- Kiểm định cơ sở giáo dục: Nhà trường tiếp đoàn đánh giá ngoài của Sở Giáo dục và Đào tạo vào tháng 4/2020, kết quả đánh giá: đạt cấp độ 1.

3.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

- Cơ sở vật chất của trường trong năm học 2021-2022 theo biểu mẫu 11.
- Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên năm học 2021-2022 theo biểu mẫu 12.

3.3. Công khai thu chi tài chính:

- Công khai Quyết định số 11420/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND thành phố Thủ Đức về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách năm 2022.

- Công khai Quyết định phê duyệt mua sắm trang thiết bị và sửa chữa tài sản công năm 2022.



- Công khai nâng lương trước niên hạn năm 2022 và niên hạn năm 2022, 2023.
- Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2022.
- Công khai quyết toán thu-chi ngân sách nhà nước năm 2022.
- Công khai tất cả các loại quỹ về thu-chi ngân sách, nguồn thu sự nghiệp, thu hộ-chi hộ.
- Công khai lương, phụ cấp và trợ cấp khác và các khoản thu nhập khác của CB-GV-NV hàng tháng.
- Công khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022.
- Công khai trang thiết bị của đơn vị trong hợp Liên tịch, hợp Chi bộ và Hội đồng nhà trường (khi có trang bị mới).

IV. VIỆC THỰC HIỆN BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI CỦA NĂM HỌC TRƯỚC VÀ KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI QUY CHẾ CÔNG KHAI NĂM HỌC 2021-2022

Nhà trường báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2020-2021 và kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2021-2022 vào đầu năm học và trong Hội nghị viên chức, người lao động năm học 2021-2022.

V. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ:

1. Ưu điểm:

- Nhà trường triển khai đầy đủ kế hoạch thực hiện quy chế công khai của năm học 2021-2022 đến tập thể CB, GV, NV và phụ huynh học sinh.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Thanh tra nhân dân giám sát việc thực hiện công khai của nhà trường.

2. Hạn chế:

Chưa thực hiện tuyên dương, khen thưởng đối với các cá nhân thực hiện tốt quy chế công khai.

VI. ĐỀ NGHỊ: Không.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- CBQL;
- Ban TTND;
- Dán TB;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Thảo
 Nguyễn Ngọc Thảo

Biểu mẫu 11

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

TRƯỜNG THCS LONG TRƯỜNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở Long Trường

năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	22	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	22	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	7	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	46/1	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	4716.6	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	996	
VI	Tổng diện tích các phòng	1550	
1	Diện tích phòng học (m ²)	50	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	50	
3	Diện tích thư viện (m ²)	100	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	50	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	190	

1.1	Khối lớp 6	330	
1.2	Khối lớp 7	144	
1.3	Khối lớp 8	132	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	30	
2.2	Khối lớp 7	60	
2.3	Khối lớp 8	90	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	60	
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	37	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	30	
2	Cát xét	3	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Thiết bị khác...	30	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	150 (m ²)

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	6, 300 (m ²)	220	1.36
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ

1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	0	4	0	160/1010
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Tp. Thủ Đức, ngày 01 tháng 9 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Ngọc Thảo

